TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/KDTM-ST
Ngày: 20/9/2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lai Ngọc Trí**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Phan Công Ny**

2. Bà **Nguyễn Thị Thanh Hương**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Thu**– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 39/2025/TLST-KDTM ngày 12 tháng 5 năm 2025 về: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 568/2025/QĐST- KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 158/2025/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ngân hàng N

Địa chỉ trụ sở: Số B L, phường G, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Thị Mỹ T – Văn bản ủy quyền ngày 20/5/2025.

Địa chỉ: Số H N, phường N, thành phố C.

* *Bị đơn:* Công ty TNHH MTV D

Địa chỉ trụ sở tại: D, đường số H, khu dân cư L, phường H, thành phố C.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tăng Lộc T1 - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà* Diệp Thị Mỹ T *trình bày:*

Do có nhu cầu bổ sung vốn mua xe tải và Sơ mi rơ moóc để vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ. Từ tháng 4/2018 Công ty TNHH MTV D đã ký với Ngân hàng N - Chi nhánh C II các Hợp đồng tín dụng số 174/100418.39/HĐTD ngày 10/4/2018 (Số Hợp đồng tín dụng trên hệ thống nội bộ A là 1890-LAV-201800425) và Hợp đồng tín dụng số 214/271218.39/HĐTD ngày 27/12/2018 (Số Hợp đồng tín dụng trên hệ thống nội bộ A là 1890-LAV-201801638) với tổng số tiền vay là 20.200.000.000 đồng (Hai mươi tỷ hai trăm triệu đồng). Cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số 174/100418.39/HĐTD ngày 10/4/2018 với số tiền vay: 15.200.000.000 (Mười lăm tỷ hai trăm triệu đồng); thời hạn vay vốn: 60 tháng (đến hết ngày 10/4/2023); lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9,5%; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; lãi chậm trả tối đa 0%/năm; mục đích: Bổ sung vốn mua xe tải và Sơ mi rơ moóc để vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.

2. Hợp đồng tín dụng số 214/271218.39/HĐTD ngày 27/12/2018 với số tiền vay: 5.000.000.000 (Năm tỷ đồng); thời hạn vay vốn: 60 tháng (đến hết ngày 27/12/2023); lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng: 9,5%; lãi suất nợ quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm quá hạn; lãi chậm trả tối đa 0%/năm; mục đích: Bổ sung vốn mua xe tải và Sơ mi rơ moóc để vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên giữa các bên đã ký các hợp đồng thế chấp tài sản:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 174/100418.39 ngày 10/04/2018:

+ Tài sản 1: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

+ Tài sản 2: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

+ Tài sản 3: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D1 đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 180/160418.39 ngày 16/04/2018:

+ Tài sản 1: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 03/04/2018.

+ Tài sản 2: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 03/04/2018.

+ Tài sản 3: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 09/04/2018.

+ Tài sản 4: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 09/04/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 214/271218.39 ngày 27/12/2018:

+ Tài sản 1: Xe ôtô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 03XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

+ Tài sản 2: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

+ Tài sản 3: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

Trong thời gian đầu bị đơn Công ty TNHH MTV D đã trả các khoản nợ gốc đến hạn đúng hạn và vẫn duy trì đóng lãi. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây bị đơn đã chậm thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng. Tính đến ngày 06/02/2025, bị đơn đã chậm thanh toán gốc, lãi cho Ngân hàng tổng số tiền là: 5.571.927.315 đồng, trong đó: Nợ gốc: 4.926.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 645.927.315 đồng; Nợ lãi quá hạn: 0 đồng. Ngay khi phát sinh dấu hiệu chậm trả nợ, ngân hàng đã nhiều lần đề nghị bị đơn trả nợ, làm việc trực tiếp và có văn bản yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên bị đơn vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và phối hợp xử lý tài sản, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do Công ty TNHH MTV

D không còn khả năng trả nợ nên Ngân hàng N tiến hành thủ tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH MTV D trả cho Ngân hàng N tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/8/2025 là: 5.815.528.137 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 4.926.000.000 đồng.

+ Tổng nợ lãi: 889.528.137 đồng (cụ thể: Lãi trong hạn: 889.528.137 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng).

- Buộc Công ty TNHH MTV D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 174/100418.39/HĐTD ngày 10/4/2018 và Hợp đồng tín dụng số 214/271218.39/ HĐTD ngày 27/12/2018 từ ngày 27/02/2025 cho đến ngày thực tế bị đơn trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

- Nếu Công ty TNHH MTV D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 174/100418.39 ngày 10/04/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 180/160418.39 ngày 16/04/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 214/271218.39 ngày 27/12/2018.

* *Bị đơn* Công ty TNHH MTV D *vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng nên không ghi nhận được ý kiến.*

Tại phiên tòa:

* *Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn là bà* Diệp Thị Mỹ T *trình bày giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:*

- Buộc Công ty TNHH MTV D trả cho Ngân hàng N tổng nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/09/2025 là: 5.810.696.609 đồng (Bằng chữ: Năm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 4.926.000.000 đồng.

+ Tổng nợ lãi: 884.696.609 đồng, cụ thể: Lãi trong hạn: 884.696.609 đồng, lãi quá hạn: 0 đồng.

- Buộc Công ty TNHH MTV D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng số 174/100418.39/HĐTD ngày 10/4/2018 và Hợp đồng tín dụng số 214/271218.39/ HĐTD ngày 27/12/2018 từ ngày 27/02/2025 cho đến ngày thực tế bị đơn trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

- Nếu Công ty TNHH MTV D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng theo các Hợp đồng thế chấp tài sản số 174/100418.39 ngày 10/04/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 180/160418.39 ngày 16/04/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 214/271218.39 ngày 27/12/2018.

** Bị đơn* Công ty TNHH MTV D *tiếp tục vắng mặt.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV D thanh toán nợ vay bao gồm nợ gốc và các khoản lãi phát sinh, trong trường hợp Công ty D không trả hoặc trả không đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do đó, quan hệ pháp luật được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về thẩm quyền giải quyết: Mặc dù bị đơn có địa chỉ trụ sở tại phường H, thành phố C nhưng giữa các bên có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nơi nguyên đơn có trụ sở để giải quyết tranh chấp, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cần Thơ theo quy định tại Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng, tuy nhiên bị đơn Công ty TNHH MTV D vắng mặt không rõ lý do, xem như đã từ bỏ quyền tự bảo vệ. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ kiện xét xử vắng mặt đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng của nguyên đơn.

Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và Công ty TNHH MTV D dựa trên cơ sở tự nguyện, có hình thức phù hợp, không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng tín dụng giữa các bên có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ lời trình bày, bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng N tại phiên tòa xác định: Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn Công ty TNHH

MTV D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và cam kết tại các văn bản thỏa thuận trả nợ. Tạm tính đến ngày 20/09/2025 bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 5.810.696.609 đồng (Năm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 4.926.000.000 đồng, tổng nợ lãi là 884.696.609 đồng (cụ thể: Lãi trong hạn là 884.696.609 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng).

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với theo quy định tại khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3.2] Xét yêu cầu phát mãi tài sản để thu hồi nợ của nguyên đơn

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tại hợp đồng tín dụng, Công ty TNHH MTV D đã giao kết các hợp đồng

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 174/100418.39 ngày 10/04/2018:

+ Tài sản 1: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

+ Tài sản 2: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

+ Tài sản 3: Xe ô tô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D1 đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 02XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 29/03/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 180/160418.39 ngày 16/04/2018.

+ Tài sản 1: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 03/04/2018.

+ Tài sản 2: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 03/04/2018.

+ Tài sản 3: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 09/04/2018.

+ Tài sản 4: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 09/04/2018.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 214/271218.39 ngày 27/12/2018.

+ Tài sản 1: Xe ôtô biển số 65C-1XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 03XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

+ Tài sản 2: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

+ Tài sản 3: Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 65R-0XX.XX do Công ty TNHH Một thành viên D đứng tên chủ sở hữu. Giấy chứng nhận đăng ký Rơ moóc, Sơmi Rơ moóc số 00XXXX do Phòng C1 – Công an thành phố C cấp ngày 18/12/2018.

Xét thấy, tại thời điểm thế chấp, các tài sản được thế chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH Một thành viên D và đều được đăng ký quyền sở hữu theo quy định của pháp luật. Các Hợp đồng thế chấp được các bên giao kết tự nguyện, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Căn cứ các Điều 317, Điều 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự năm 2015, Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng và Công ty TNHH Một thành viên D là phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực.

Xét thấy, tại điều 4 các hợp đồng nêu trên đều thể hiện nội dung Bên A được xử lý tài sản để thu hồi nợ trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Vì vậy do bị đơn Công ty TNHH Một thành viên D đã quy phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng N về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay của bị đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí, bị đơn Công ty TNHH MTV D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

1.1 Buộc Công ty TNHH MTV D có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/9/2025 là 5.810.696.609 đồng (Năm tỷ tám trăm mười triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn sáu trăm lẻ chín đồng). Trong đó: Nợ gốc là 4.926.000.000 đồng, nợ lãi là 884.696.609 đồng (cụ thể: Lãi trong hạn là 884.696.609 đồng, lãi quá hạn là 0 đồng).

1.2 Công ty TNHH MTV D phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất đã thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng từ ngày 21/9/2025 cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

1.3 Trong trường hợp Công ty TNHH MTV D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 174/100418.39 ngày 10/04/2018, Hợp đồng thế chấp tài sản số 180/160418.39 ngày 16/04/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 214/271218.39 ngày 27/12/2018 để thu hồi nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 113.810.697 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại 56.785.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005982 ngày 03/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Về thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều

6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- Các đương sự
- VKSND khu vực 1 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cần Thơ;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lai Ngọc Trí